TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH Đ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:**12**/2022/DSST
Ngày 21- 3-2022
*"**V/v: T/c hợp đồng vay tài sản**"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH Đ

* ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Quang Cảnh**.**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Bà Bùi Thị Hà.
2/ Bà Nguyễn Thị Hoài Bão.
- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Vũ Đức Đuống - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:*** bà Trần Thị Mỹ Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 477/2021/TLST-DS, ngày 22/12/2021, về việc "***Tranh chấp hợp đồng vay tài sản***". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Đức L và bà Trần Thị N– Có mặt
Trú tại: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H và bà Phạm Thị B - Có mặt.
Trú tại: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn:*** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa ông Đoàn Đức L, bà Trần Thị N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, gần nhà nhau nên vào ngày 29/01/2021 ông bà có cho vợ chồng ông Lê Văn H và bà Phạm Thị B(vợ chồng ông H) vay số tiền là 170.000.000 đồng để làm ăn, lãi suất hai bên thỏa thuận 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 02/02/2021. Khi vay hai bên có làm giấy xác nhận nợ, ông Lê Văn H và bà Phạm Thị B là người ký giấy vay, vì là chỗ quen biết nên ông bà không yêu cầu bên vay thế chấp tài sản hay giấy tờ gì.

Tuy nhiên đến hạn trả nợ chúng tôi đòi nhiều lần nhưng bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận. Nay chúng tôi yêu cầu vợ chồng ông Hiếu phải trả dứt điểm số tiền 170.000.000 đồng và nợ lãi suất theo thỏa thuận 1,5%/ tháng kể từ ngày vay cho đến nay; đồng thời tiếp tục trả lãi trong giai đoạn thi hành án theo quy định của pháp luật.

**** Bị đơn:*** Ông Lê Văn H và bà Phạm Thị B trình bày.

Vợ chồng tôi và ông Đoàn Đức L, bà Trần Thị N có quan hệ là hàng xóm, quen biết với nhau.

Vào khoảng năm 2016, do cần tiền làm ăn nên vợ chồng tôi có vay của vợ chồng ông L, bà N số tiền là 80.000.000 đồng, khi vay do quen biết nên không viết giấy tờ vay và không thế chấp tài sản gì, lãi suất thỏa thuận miệng là 2,5%/tháng. Chúng tôi trả đủ tiền lãi hàng tháng cho đến hết năm 2020. Sau đó do không trả được nợ nên vào ngày 01/01/2021 vợ chồng ông L đã cộng cả gốc và lãi vào thành 170.000.000 đồng (*một trăm bày mươi triệu đồng*), vợ chồng tôi đã ký vào giấy nhận nợ, thời hạn trả nợ số tiền này là ngày 02/2/2021, lãi suất là 1,5%/tháng. Chúng tôi xác định chữ viết chữ ký của người vay tiền trong giấy vay là của vợ chồng tôi.

Nay ông L, bà Nkhởi kiện yêu cầu trả số nợ nói trên. Vợ chồng tôi xác nhận còn nợ của vợ chồng ông L số tiền là 170.000.000 đồng và xin có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông L số tiền 170.000.000 đồng, do làm ăn gặp nhiều khó khăn nên chúng tôi có nguyện vọng xin trả dần hàng năm số tiền trên, mỗi năm trả một ít, cụ thể chúng tôi xin trả mỗi năm 30.000.000 đồng cho đến khi trả xong số nợ trên. Về lãi suất chúng tôi xin vợ chồng ông L không tính lãi suất nữa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân thủ các quy định của Bộ tố tụng dân sự của Thẩm phán; của Hội đồng xét xử, thư ký, cũng như những người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- *Đối với Thẩm phán:*Trong quá trình chuẩn bị xét xử; Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

- *Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa*: Tuân thủ đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Đối với đương sự:*

+/ Nguyên đơn: Thực đã hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 7, Điều 71 BLTTDS.

+ Bị đơn:Thực hiện chưa đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 72 BLTTDS.

* *Về quan điểm giải quyết vụ án*:

Căn cứ các Điều 463; Điều 466, điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Đức L, bà Trần Thị N .

Buộc ông Lê Văn H và bà Phạm Thị B phải trả số tiền nợ vay là 170.000.000 đồng và nợ lãi theo thỏa thuận cho ông L, bà N.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, cũng như căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn ông Đoàn Đức L, bà Trần Thị N (ông L, bà N) và bị đơn ông Lê Văn H và bà Phạm Thị B (ông H, bà B) có ký hợp đồng vay tiền với nhau là xuất phạt từ sự tự nguyện của hai bên, phù hợp với quy định của pháp luật, do không trả nợ đúng hạn nên đã phát sinh quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, được quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2].*Về nội dung*: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

Ngày 29/01/2021 ông L, bà Ncó cho vợ chồng ông L vay số tiền là 170.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ ngày 02/02/2021. Khi vay hai bên có làm giấy xác nhận nợ ông H, bà B là người ký giấy vay. Như vậy đây là giao dịch dân sự được quy định trong Bộ luật dân sự, thông qua hợp đồng vay tài sản, được quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự. Đến kỳ hạn trả nợ ông H, bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, được quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự.

Phía bị đơn, ông H, bà B thừa nhận; vào năm 2016 (không rõ ngày, tháng) vợ chồng ông H có vay số tiền 80.000.000 đồng, không viết giấy tờ vay, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng. Bên vay đã trả lãi hàng tháng đến hết năm 2020. Phần còn lại do không trả được nợ nên ngày 01/01/2021, vợ chồng ông L đã cộng cả gốc và lãi vào thành số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bày mươi triệu đồng), vợ chồng ông H đã ký vào giấy nhận nợ và thời hạn trả nợ số tiền này là ngày 02/2/2021.

[3] *Tại phiên tòa;* Nguyên đơn không thừa nhận ý kiến của bị đơn và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; yêu cầu ông H, bà B phải trả khoản tiền nợ vay là 170.000.000 đồng, nợ lãi 1,5%/ tháng, kể từ ngày 29/01/2021 cho đến nay, đồng thời tiếp tục trả lãi trong giai đoạn thi hành án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là "*Biên bản về việc sử dụng vay tiền chi tiêu trong gia đình*" đề ngày 29/01/2021. Về nội dung thể hiện ông Lê Văn H và bà Phạm Thị B có vay của vợ chồng ông L số tiền là 170.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 02/02/2021. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông H, bà B xác định còn nợ L, bà N số tiền 170.000.000 đồng và chữ ký dưới mục "*người vay*" mang tên Lê Văn H và Phạm Thị B là do ông H, bà B ký. Như vậy đây là giao dịch dân sự được thực hiện trên cơ sở tự nguyện giữa hai bên, phù hợp với quy định của pháp luật về cả nội dung và hình thức, được quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự năm 2015. Đến hạn trả nợ bên vay không trả nợ như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, được quy định tại điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Về quan điểm của bị đơn cho rằng, số tiền vay thực tế chỉ có 80.000.000 đồng vay vào năm 2016, lãi suất là 2,5%/tháng, ông H, bà B đã trả lãi hàng tháng cho đến hết năm 2020. Số tiền 170.000.000 đồng do không trả được nợ nên ông L, bà N đã cộng dồn lại. Tuy nhiên phía ông L, bà N không thừa nhận và bị đơn cung cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy không có cơ để xem xét đối với quan điểm của bị đơn.

[4] Về lãi suất: Tại giấy vay tiền, hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 1,5%/tháng. Như vậy mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Lãi suất tính từ ngày vay; ngày 29/01/2021 đến ngày xét xử, ngày 01/3/2022 là (*13 tháng 23 ngày):* 35.105.000 đồng, cụ thể:

170.000.000 đồng x 1,5% /tháng x 13 tháng 23 ngày = 35.105.000 đồng.

Từ những căn cứ và phân tích nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông H, bà B có nghĩa vụ trả cho ông L, bà N số tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng và lãi suất là 35.105.000 đồng. Đồng thời tiếp tục trả lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi có đơn yêu cầu.

[5] ***Về án phí DSST*****:**

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông H, bà B phải chịu 10.255.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: 205.105.000 đồng x 5% = 10.255.000 đồng (*làm tròn*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 161; Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 280; Điều 463; Điều 466; Điều 468; *Điều 470 Bộ luật dân sự.*

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu,miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Đức L và bà Trần Thị N.

Buộc ông Lê Văn H và bà Phạm Thị B có nghĩa vụ trả cho Ông Đoàn Đức L và bà Trần Thị N số tiền nợ là 205.105.000 đồng (*hai trăm lẻ năm triệu một trăm lẻ năm ngàn đồng*), trong đó nợ gốc là 170.000.000 đồng và nợ lãi là 35.105.000 đồng.

" ....kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 357,Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác"

* ***Về án phí DSST***:

Bị đơn ông Lê Văn H và bà Phạm Thị B phải nộp 10.255.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ".

**** Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Đ;
- TAND tỉnh Đ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

Nguyễn Quang Cảnh